

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 184/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08 – 8 – 2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sĩ Hùng.

2. Ông Nguyễn Hoàng Dân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 266/2023/TLST - HNGĐ ngày 08/5/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thuỳ T, sinh năm 1987; Địa chỉ: số 203, đường L, khóm 8, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thế A, sinh năm 1978; Địa chỉ: số 203, đường L, khóm 8, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ: Hẻm xí nghiệp in Trần Ngọc Hy, khóm 6, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.2. Chị Đỗ Thanh Th, sinh năm 1975; Địa chỉ: đường L, khóm 8, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thị Thuỳ T và anh Lê Thế A chung sống với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh Thế A có những lời lẽ thô tục, hành động xúc phạm đến chị và gia đình của cha mẹ chị nên giữa anh chị thường cãi vã với nhau, hiện chị và anh Thế A đã sống ly thân từ tháng 5 năm

2023 cho đến nay, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh Thế A nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thế A.

Về con chung, chị T khai có ba người con là Lê Minh Quang, sinh ngày 14/3/2008; Lê Mỹ Uyên, sinh ngày 11/10/2009 và Lê Ngọc Khả Hân, sinh ngày 01/9/2018. Khi ly hôn, chị T nhận nuôi cháu Hân, không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Quang, cháu Uyên cho anh Thế A nuôi, không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Quang, cháu Uyên cũng có ý kiến được chung sống với anh Thế A.

Về tài sản chung, chị T khai giữa chị và anh Thế A tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị T khai có nợ chị Đỗ Thanh Th số tiền 120.000.000 đồng, nợ bà Trần Thị Đ số tiền 100.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu mỗi người trả ½ số tiền nợ trên nhưng tại phiên tòa, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết mà giữa chị cùng các chủ nợ sẽ tự thỏa thuận, thương lượng với nhau. Riêng bà Đ, chị Th đã có lời khai không yêu cầu anh Thế A và chị T trả số tiền nợ trên mà giữa các đương sự sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đồng thời, chị Th và bà Đ xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Đối với anh Lê Thế A, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Tòa, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Lê Thế A đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, riêng chị Đỗ Thanh Th và bà Trần Thị Đ có yêu cầu xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về hôn nhân, anh Thế A và chị T chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do anh Thế A không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi ý kiến bằng văn bản để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn được chấp nhận. Cũng chính mâu thuẫn trên, chị T xác định không còn tình cảm với anh Thế A nên có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa anh Thế A với chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh Thế A là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung là Lê Minh Quang, sinh ngày 14/3/2008; Lê Mỹ Uyên, sinh ngày 11/10/2009 và Lê Ngọc Khả Hân, sinh ngày 01/9/2018. Khi ly hôn, chị T nhận nuôi cháu Hân, không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Quang, cháu Uyên cho anh Thế A nuôi, không cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh Thế A cũng không có ý kiến gì về yêu cầu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặc dù, anh Thế A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nhưng do các cháu đang chung sống cùng anh Thế A đã ổn định, việc chị T và anh Thế A ly hôn đã phần nào làm ảnh hưởng đến tâm lý của con trẻ. Hơn nữa, chị T cũng tự nguyện giao cháu Quang, cháu Uyên cho anh Thế A dưỡng và nguyện vọng của các cháu cũng muốn được chung sống với anh Thế A, riêng cháu Hân hiện còn bé lại là nữ giới nên cần có sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ. Do đó, để giảm bớt việc ảnh hưởng tâm lý, xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu nên yêu cầu về con của chị T được chấp nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, tuy Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị T biết việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng chị T cho rằng chị đủ điều kiện chăm lo cuộc sống của cháu Hân nên không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Quang, và cháu Uyên, chị sẽ tự cấp dưỡng riêng cho các con nên đề nghị Tòa án không ghi nhận trong bản án – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết mà giữa chị và anh Thế A sẽ tự thỏa thuận với nhau, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, chị T khai vợ chồng có nợ bà Trần Thị Đ số tiền 100.000.000 đồng và nợ chị Đỗ Thanh Th số tiền 120.000.000 đồng, hiện các chủ nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ trên khi anh Thế A và chị T ly hôn mà giữa các bên sẽ tự thỏa thuận với nhau, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét mà tách ra để giải quyết ở vụ kiện dân sự khác khi các chủ nợ có yêu cầu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thùy T về việc xin ly hôn anh Lê Thế A.

- Về con chung Lê Minh Quang, sinh ngày 14/3/2008; Lê Mỹ Uyên, sinh ngày 11/10/2009 và Lê Ngọc Khả Hân, sinh ngày 01/9/2018. Khi ly hôn, tiếp tục giao cháu Quang cùng cháu Uyên cho anh Lê Thế A chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Hân cho chị Phạm Thị Thùy T chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm anh Thế A cùng chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T cùng anh Thế A có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung, tách khoản nợ của bà Trần Thị Đ, chị Đỗ Thanh Th để xem xét ở vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Phạm Thị Thùy T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 05/5/2023, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003312 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Thế A, bà Đ và chị Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND phường B,
TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân

